TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1065/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 970/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Bùi Thị Ánh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số C, đường P, khu phố B, phường A (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Nguyễn Vũ N, sinh năm 1987; địa chỉ: Số C, đường P, khu phố B, phường A (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vũ N và bà Bùi Thị Ánh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 75/2019 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nay (nay là xã P, thành phố Đ) cấp ngày 05 tháng 12 năm 2019 hết hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Nguyễn Vũ N và bà Bùi Thị Ánh T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Mẫn Tuệ A, sinh ngày 03/6/2020. Giao con chung là trẻ Nguyễn Mẫn Tuệ A cho bà Bùi Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành; ông Nguyễn Vũ N có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con chung (trẻ Nguyễn Mẫn Tuệ A) là 12.000.000 đồng/tháng (Mười hai triệu đồng/tháng); thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2026, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Vũ N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà Bùi Thị Ánh T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Vũ N chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Vũ N và bà Bùi Thị Ánh T cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Vũ N và bà Bùi Thị Ánh T phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Vũ N và bà Bùi Thị Ánh T đã nộp theo biên lai thu số 0029920 ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Vũ N và bà Bùi Thị Ánh T đã nộp đủ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 7;
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 7;
- UBND xã Phú Lâm, TP.Đồng Nai;
- Lưu: VP, hồ sơ (Tú).

THẨM PHÁN

Đặng Thị Tám